

QUYẾT ĐỊNH
ban hành Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới
công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế
tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 626/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ; Nông nghiệp và Môi trường; Công Thương; Tài chính; Ngoại vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh;
- Hiệp hội Du lịch tỉnh;
- Hội doanh nhân trẻ tỉnh;
- Lưu: VT, KH&CĐS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Hùng Đức

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tuyên Quang, ngày 03 tháng 8 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH

**Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực
cạnh tranh và hội nhập quốc tế tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030.**
*(theo Quyết định số: ~~1964~~ /QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 626/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 10 tháng 10 năm 2025 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Kế hoạch 50-KH/TU ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại chương trình làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang (trước họp nhất).

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030 với các nội dung chính sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, tỉnh Tuyên Quang có môi trường kinh doanh thuận lợi, công bằng; các doanh nghiệp có năng lực đổi mới công nghệ mạnh mẽ, năng lực cạnh tranh cao, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế hiệu quả, đóng góp tối đa vào tăng trưởng kinh tế - xã hội địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phân đầu đến năm 2030, số lượng doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số, đổi mới công nghệ và số doanh nghiệp được hỗ trợ tiếp cận thông tin, tư vấn công nghệ mới tăng bình quân 5%/năm so với tổng số doanh nghiệp đang hoạt động khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh.

2.2. Xây dựng các mô hình phát triển doanh nghiệp gắn với các sản phẩm chủ lực của tỉnh, trong đó tập trung ưu tiên hỗ trợ đầu tư từ nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ (KH-CN) cho doanh nghiệp ứng dụng KH-CN và đổi mới sáng tạo (ĐMST); hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp vệ tinh, phụ trợ theo chuỗi giá trị và hỗ trợ công nghệ theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ. Phân đầu mỗi năm hỗ trợ công nghệ từ 10 đến 15 doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2.3. Phân đầu 100% doanh nghiệp có sản phẩm xuất khẩu chủ lực và sản phẩm OCOP từ 4 sao trở lên được hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế (HACCP, VietGAP, ISO...). Phân đầu mỗi năm hỗ trợ tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ, tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho 2 đến 5 doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2.4. Phân đầu mỗi năm hỗ trợ ít nhất 3 doanh nghiệp đăng ký gian hàng trên các sàn TMĐT quốc tế (Amazon, Alibaba,...); mỗi năm hỗ trợ từ 3 đến 5 doanh nghiệp tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế; phân đầu 100% doanh nghiệp xuất khẩu có nhu cầu được tư vấn thủ tục, pháp lý xuất khẩu; hỗ trợ mở rộng thị trường cho các sản phẩm đặc hữu của tỉnh.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Đánh giá thực trạng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Điều tra, đánh giá toàn bộ doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh theo bộ tiêu chí đánh giá về trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn; phân loại và lập danh sách các doanh nghiệp có tiềm năng về hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo để tiếp cận hỗ trợ

xây dựng phát triển doanh nghiệp đầu tàu về nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo gắn với sản phẩm chủ lực của địa phương.

2. Rà soát chính sách về hỗ trợ cho phát triển doanh nghiệp

Tập trung rà soát toàn bộ cơ chế chính sách đã ban hành về khoa học và công nghệ (Trung ương và địa phương), các chính sách hỗ trợ cho phát triển doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh, từ đó hằng năm tổ chức hội thảo khoa học, tọa đàm định hướng cho doanh nghiệp về xu hướng công nghệ 4.0, công nghệ xanh; duy trì công thông tin điện tử chuyên đề về công nghệ cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Hỗ trợ xây dựng các mô hình ứng dụng đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp hội nhập quốc tế

3.1. Trên cơ sở phân tích chỉ số đổi mới sáng tạo, trình độ công nghệ của các doanh nghiệp, tiến hành lựa chọn, phân nhóm doanh nghiệp tham gia nhiệm vụ hỗ trợ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo tập trung vào 4 khâu (*Sản phẩm; Quy trình; cách Tiếp thị; cách Tổ chức*) góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường trong nước và quốc tế. Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp đi đầu trong ứng dụng tiến bộ KHCN và đổi mới sáng tạo, đồng thời hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp vệ tinh/phụ trợ theo chuỗi giá trị để tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

3.2. Hỗ trợ ứng dụng phát triển sản phẩm/dịch vụ mới. Kết nối doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước; hỗ trợ phần chi phí cho các dự án cải tiến quy trình sản xuất, phát triển sản phẩm mới. Tổ chức khóa đào tạo về ứng dụng CRM, ERP, Marketing số cho nhân viên doanh nghiệp; ưu tiên hỗ trợ chi phí cho các đơn vị áp dụng giải pháp quản lý sản phẩm theo chuỗi cung ứng Blockchain để truy xuất nguồn gốc. Thành lập không gian làm việc chung (coworking space) hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tổ chức các đợt tham quan, học tập kinh nghiệm từ các mô hình ứng dụng KHCN và ĐMST thành công ở các tỉnh bạn cho doanh nghiệp.

3.3. Hỗ trợ doanh nghiệp liên kết, hình thành các cụm logistics quy mô nhỏ tại các vùng nguyên liệu tập trung; ứng dụng công nghệ trong quản lý kho bãi và truy xuất nguồn gốc sản phẩm xuất khẩu; hỗ trợ ứng dụng các giải pháp chatbot ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong chăm sóc khách hàng đa ngôn ngữ, tối ưu hóa gian hàng số để tiếp cận thị trường toàn cầu theo mô hình B2B và B2C.

4. Triển khai chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, nâng cao nhận thức xã hội về ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển thương hiệu doanh nghiệp

4.1. Kết nối các nguồn lực, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia theo các chương trình, nội dung cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh về hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng tiến bộ KHHCN và ĐMST. Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh xác định đối tượng được hỗ trợ theo chính sách, tinh giản các thủ tục hành chính, công khai minh bạch và hiệu quả.

4.2. Tổ chức tư vấn xây dựng chiến lược thương hiệu cho sản phẩm đặc trưng như Chè Shan tuyết Hà Giang; Mật ong bạc hà Mèo Vạc; Chè Bạch Xa; Cam sành Hà Giang; Cam sành Hàm Yên;... Tiếp tục duy trì, mở rộng chính sách hỗ trợ miễn phí khắc con dấu pháp nhân, chữ ký số cho doanh nghiệp mới thành lập; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính liên quan đến thành lập doanh nghiệp khoa học công nghệ. Kết nối doanh nghiệp với ngân hàng; quỹ đầu tư; hỗ trợ vay vốn cho các dự án đổi mới công nghệ; hỗ trợ đăng ký, xây dựng và phát triển thương hiệu, giống cây trồng mới.

4.3. Tổ chức tập huấn về các hiệp định thương mại tự do (CPTPP, EVFTA, RCEP) và quy định, tiêu chuẩn của thị trường nhập khẩu; xây dựng cơ sở dữ liệu về đối tác tiềm năng nước ngoài. Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm quốc tế chuyên ngành trong và ngoài nước; tổ chức các hoạt động kết nối giao thương trực tuyến với đối tác nước ngoài. Cung cấp dịch vụ tư vấn về hải quan, kiểm dịch, an toàn thực phẩm; hỗ trợ doanh nghiệp các thủ tục liên quan đến cấp các giấy phép, chứng nhận cần thiết cho hoạt động xuất khẩu. Kết nối doanh nghiệp với các cơ sở tư vấn pháp lý quốc tế để giải quyết các vấn đề tranh chấp thương mại phát sinh trong hoạt động xuất khẩu ra nước ngoài.

5. Hình thành tổ chức trung gian hỗ trợ chuyển giao công nghệ, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp phát triển bền vững, có trách nhiệm với xã hội

5.1. Hỗ trợ, bổ sung nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp KHHCN, tổ chức hoạt động KHHCN; phát triển đội ngũ tư vấn chuyển giao công nghệ; nâng cao nhận thức về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp, phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng quy trình sản xuất giảm phát thải, tái chế chất thải, ưu tiên hỗ trợ các dự án sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng xanh, bền vững tại địa phương.

Tổ chức các hoạt động từ thiện, hỗ trợ cộng đồng vùng sâu vùng xa; vinh danh các doanh nghiệp có thành tích tốt trong thực hiện trách nhiệm xã hội.

Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn quản lý môi trường, khuyến khích sản xuất nông nghiệp hữu cơ, giảm sử dụng hóa chất độc hại trong sản xuất.

5.2. Hợp tác với các cơ sở đào tạo tại địa phương, khu vực tổ chức các khóa huấn luyện chuyên sâu về kỹ năng đàm phán quốc tế, quản trị rủi ro và luật pháp quốc tế cho đội ngũ quản lý doanh nghiệp.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo ngân sách nhà nước phân cấp hiện hành, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, trong đó tập trung ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2. Huy động tài trợ, đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức tham gia Chương trình và các nguồn hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

1.1. Tổ chức tuyên truyền rộng rãi về mục tiêu, nội dung và chính sách hỗ trợ của "Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế".

1.2. Chủ trì triển khai các nội dung về hỗ trợ công nghệ; quản lý và phát triển sở hữu công nghiệp, hỗ trợ đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ; Tổ chức các hoạt động điều tra, khảo sát, hội thảo, tập huấn, tư vấn, kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tăng năng suất chất lượng và giá trị của sản phẩm. Chủ trì điều phối các cơ quan phối hợp, giám sát thực hiện và báo cáo kết quả với Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.3. Hằng năm, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan lập dự toán kinh phí thực hiện Chương trình gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

1.4. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá toàn diện kết quả thực hiện Chương trình hằng năm và cả giai đoạn, rút ra bài học kinh nghiệm để điều chỉnh cho phù hợp.

1.5. Công khai kết quả thực hiện, danh sách doanh nghiệp được hỗ trợ đổi mới công nghệ trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để đảm bảo tính công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện.

2. Sở Công Thương

Chủ trì triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước, xây dựng mạng lưới kết nối với các đại lý thương mại điện tử chuyên nghiệp để hỗ trợ doanh nghiệp đưa hàng lên sàn quốc tế; hỗ trợ thông tin về các kho bãi tại khu vực cửa khẩu biên giới; hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia các hội chợ triển lãm, hội nghị kết nối giao thương nhằm quảng bá, giới thiệu, tiêu

thụ sản phẩm và mở rộng thị trường xuất khẩu. Chịu trách nhiệm về chỉ tiêu tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế.

3. Sở Tài chính

3.1. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cùng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí và giao dự toán kinh phí hàng năm để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Chịu trách nhiệm thẩm định dự toán và thực hiện cấp phát nguồn vốn kịp thời cho các hoạt động trọng tâm như điều tra năng lực công nghệ, hỗ trợ mô hình đổi mới sáng tạo và xúc tiến thương mại quốc tế, đảm bảo quản lý chặt chẽ kinh phí thực hiện Chương trình.

3.2. Rà soát, tham mưu ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể về cơ chế tài chính, định mức chi hỗ trợ doanh nghiệp phù hợp với đặc thù địa phương và các tiêu chuẩn quốc tế. Đồng thời, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng kinh phí và hướng dẫn thủ tục quyết toán theo quy định; nghiên cứu đề xuất các giải pháp lồng ghép nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia và huy động các nguồn tài trợ hợp pháp khác để tối ưu hóa nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì thực hiện mục tiêu 100% các doanh nghiệp được hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế (HACCP, VietGAP) đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận; tập huấn, hội thảo về các hiệp định thương mại tự do (CPTPP, EVFTA, RCEP) và quy định, tiêu chuẩn của thị trường nhập khẩu. Tư vấn cho các doanh nghiệp lộ trình chuyển đổi số trong nông nghiệp và xây dựng chứng chỉ vùng trồng, chứng chỉ rừng bền vững (FSC) để phục vụ xuất khẩu.

5. Sở Ngoại vụ

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ liên quan đến hội nhập quốc tế; lồng ghép triển khai các nội dung trong Chương trình nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030.

6. Các Sở, Ban, Ngành

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu Chương trình xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, nguồn lực và tiến độ thực hiện cho từng năm gửi Sở Khoa học và Công nghệ trước 30/10 hằng năm, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt triển khai.

7. Ủy ban nhân dân xã, phường

Tổ chức quán triệt, tuyên truyền về Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn quản lý; tổng hợp nhu cầu thực tế, báo cáo kết quả thực hiện cho Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời gửi văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh Chương trình đảm bảo thực hiện hiệu lực, hiệu quả./.



PHỤ LỤC

Số lượng, đầu điểm nội dung triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030
(Kèm theo Quyết định số: **1964/QĐ-UBND**, ngày **03** tháng **08** năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Mục tiêu, nội dung	Số lượng					Tổng số	Cơ quan TH/Phối hợp
		2026	2027	2028	2029	2030		
1	Điều tra, đánh giá doanh nghiệp của tỉnh theo bộ tiêu chí đánh giá về trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ gắn với sản phẩm chủ lực của địa phương	1			1		2	Sở Khoa học và Công nghệ/ Đơn vị tư vấn
2	Xây dựng các mô hình phát triển doanh nghiệp ứng dụng KHCN và đổi mới sáng tạo và hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp vệ tinh, phụ trợ theo chuỗi giá trị	1	1	2	2	2	8	Sở Khoa học và Công nghệ/ Doanh nghiệp
3	Hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế (HACCP, VietGAP) đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý.	1	3	5	5	2	16	Sở Nông nghiệp và Môi trường / Đơn vị tư vấn
4	Hỗ trợ, tư vấn xác lập quyền; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ cho doanh nghiệp vừa và nhỏ	2	5	5	5	5	22	Sở Khoa học và Công nghệ/ Đơn vị tư vấn
5	Hỗ trợ từ doanh nghiệp tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế;	3	3	5	5	3	19	Sở Công thương/ Sở Khoa học và Công nghệ
6	Hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu về thủ tục, pháp lý mở rộng thị trường xuất khẩu, thủ tục đăng ký bảo hộ ở nước ngoài cho các sản phẩm đặc hữu của tỉnh	1	2	3	3	2	11	Sở Khoa học và Công nghệ/Sở Ngoại vụ; Hải quan khu vực; Đơn vị tư vấn
7	Tập huấn, hội thảo về các hiệp định thương mại tự do (CPTPP, EVFTA, RCEP) và quy định, tiêu chuẩn của thị trường nhập khẩu	1	1	1	1	1	5	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ
8	Hỗ trợ công nghệ cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ	5	10	10	15	10	50	Sở Khoa học và Công nghệ